

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 02 năm 2019

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN I.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 44, TẠI TRƯỜNG**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh Anh	1	83	7.5	Bảy rưỡi	
2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	2	47	8.0	Tám	
3	Vương Thị Vân Anh	3	46	8.0	Tám	
4	Nguyễn Công Bình	4	56	7.5	Bảy rưỡi	
5	Bùi Thị Thanh Châm	5	42	8.0	Tám	
6	Phan Thanh Chương	6	64	7.5	Bảy rưỡi	
7	Trương Đức Cường	7	39	7.5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Mạnh Cường	8	20	8.0	Tám	
9	Võ Việt Cường	9	76	8.0	Tám	
10	Trần Lê Duy	10	17	7.0	Bảy	
11	Đoàn Minh Đức	11	04	8.0	Tám	
12	Đỗ Thị Vân Giang	12	45	8.0	Tám	
13	Phan Thị Vân Giang	13	62	8.5	Tám rưỡi	
14	Cao Thị Thu Hà	14	16	7.5	Bảy rưỡi	
15	Nguyễn Mạnh Hà	15	08	7.5	Bảy rưỡi	
16	Đỗ Thị Hải	16	25	8.0	Tám	
17	Phạm Văn Hải	17	41	8.0	Tám	
18	Hà Thị Thu Hằng	18	48	8.0	Tám	
19	Nguyễn Thị Lệ Hằng	19	07	7.5	Bảy rưỡi	
20	Trần Quang Hanh	20	80	8.0	Tám	
21	Nguyễn Thị Hạnh	21	72	8.0	Tám	
22	Nông Hồng Hạnh	22	19	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Trần Thị Thu Hiền	23	74	7.5	Bảy rưỡi	
24	Trần Thị Hiền	24	73	8.0	Tám	
25	Nguyễn Thanh Hiền	25	58	7.5	Bảy rưỡi	
26	Lê Khánh Hiệp	26	82	7.5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Thị Anh Hoa	27	61	8.0	Tám	
28	Hữu Thị Hồng Hoa	28	65	7.5	Bảy rưỡi	
29	Nguyễn Lan Hoa	29	81	8.0	Tám	
30	Nguyễn Ngọc Hoan	30	71	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thị Thu Hồng	31	05	7.5	Bảy rưỡi	
32	Trần Thị Bích Hợp	32	38	7.5	Bảy rưỡi	
33	Đỗ Trọng Hùng	33	21	7.0	Bảy	
34	Đào Thị Thu Hương	34	27	7.5	Bảy rưỡi	
35	Ngô Thị Hương	35	60	7.5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Ngọc Hường	36	79	8.0	Tám	
37	Dương Ngọc Khang	37	15	7.5	Bảy rưỡi	
38	Cao Tiến Khoa	38	33	7.5	Bảy rưỡi	
39	Đặng Thị Kiều	39	24	6.0	Sáu	
40	Hoàng Thị Bích Lệ	40	78	7.5	Bảy rưỡi	
41	Nguyễn Phương Liên	41	35	7.5	Bảy rưỡi	
42	Lã Đỗ Khánh Linh	42	43	7.5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Thị Loan	43	55	8.0	Tám	
44	Dương Thị Thanh Mai	44	54	7.5	Bảy rưỡi	
45	Đặng Thị Mai	45	86	8.0	Tám	
46	Đỗ Thanh Mai	46	31	8.0	Tám	
47	Trần Duy Minh	47	22	8.0	Tám	
48	Hoàng Thu Nga	48	26	8.0	Tám	
49	Lý Thị Thu Nga	49	51	8.0	Tám	
50	Nguyễn Thị Nghĩa	50	40	8.0	Tám	
51	Dương Thế Ngọc	51	44	7.5	Bảy rưỡi	
52	Phạm Văn Ngọc	52	77	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
53	Phạm Thị Minh Nguyệt	53	63	8.0	Tám	
54	Nguyễn Thị Như Nguyệt	54	52	8.5	Tám rưỡi	
55	Dương Thị Như	55	50	8.0	Tám	
56	Trần Thị Tuyết Nhung	56	34	8.0	Tám	
57	Ninh Hồng Phấn	57	03	8.0	Tám	
58	Hà Thị Minh Phương	58	02	7.5	Bảy rưỡi	
59	Hồ Thị Thanh Phương	59	09	7.5	Bảy rưỡi	
60	Lê Thị Phương	60	59	8.0	Tám	
61	Đào Thị Hồng Phượng	61	70	7.5	Bảy rưỡi	
62	Phạm Quốc Quân	62	13	7.0	Bảy	
63	Lê Văn Quang	63	29	7.5	Bảy rưỡi	
64	Nguyễn Kim Quy	64	14	8.0	Tám	
65	Ninh Văn Quý	65	06	8.0	Tám	
66	Chu Thị Hồng Quyên	66	12	7.5	Bảy rưỡi	
67	Nguyễn Thị Sinh	67	69	8.0	Tám	
68	Vũ Thị Tâm	68	68	8.0	Tám	
69	Vũ Chiến Thắng	69	67	8.0	Tám	
70	Nguyễn Thị Thảo	70	84	8.0	Tám	
71	Lê Thành Thế	71	23	8.0	Tám	
72	Nguyễn Xuân Thế	72	37	7.5	Bảy rưỡi	
73	Đỗ Lê Thùy	73	75	7.5	Bảy rưỡi	
74	Ngô Thu Thủy	74	85	8.5	Tám rưỡi	
75	Vũ Mạnh Thủy	75	32	7.5	Bảy rưỡi	
76	Nguyễn Phương Thủy	76	57	8.0	Tám	
77	Vũ Thị Thanh Thủy	77	01	7.0	Bảy	
78	Phạm Đình Tiệp	78	53	7.5	Bảy rưỡi	
79	Phạm Bá Trường	79	49	7.5	Bảy rưỡi	
80	Nguyễn Xuân Trường	80	10	7.5	Bảy rưỡi	
81	Trần Xuân Tứ	81	36	7.5	Bảy rưỡi	
82	Phùng Thị Tuyết	82	18	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
83	Ma Thị Thúy Vân	83	30	8.5	Tám rưỡi	
84	Nguyễn Xuân Vinh	84	66	7.5	Bảy rưỡi	
85	Ngô Trí Vĩnh	85	11	7.5	Bảy rưỡi	
86	Trần Anh Vũ	86	28	7.5	Bảy rưỡi	
87	Triệu Thế Vinh	87	87	7.5	Bảy rưỡi	Phần I- CVC K12
88	Trần Thị Quỳnh Anh	88	88	7.5	Bảy rưỡi	Phần II- CVC K12
89	Triệu Dịch Dũng	89	89	7.0	Bảy	Phần II- CVC K12
90	Trần Hoài Nam	90	90	7.0	Bảy	Phần II- CVC K12
91	Phạm Thị Phương Nga	91	91	8.0	Tám	Phần II- CVC K12

**PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Phúc Ái

**KHOA LLMLN-TTHCM
TRƯỞNG KHOA**

Vũ Mạnh Hà

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên